

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2024/HC-PT

Ngày: 23/9/2024

V/v “*Kiến quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 203/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1820/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Ngô Thị Kim M.** Địa chỉ: **Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;** vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn L.** Địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;** có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đại T** – Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phạm Văn N** – Trưởng phòng Phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Vũ Hải M1**. Địa chỉ: **B M, p. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Ánh H**. Địa chỉ: **A M, p. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1, bà H: Ông **Nguyễn Văn L**; có mặt.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 30/11/2015, con trai bà **M1** là ông **Vũ Văn H1** tiếp nhận quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê của bà **Nguyễn Thị Thúy H2**, theo Hợp đồng số 13/Đ1/2012/HĐ ngày 28/5/2012 ký kết với **Công ty TNHH MTV C**, thửa đất số 69, tờ bản đồ số TD02/2021, diện tích 6.914m², thời hạn đến 30/12/2035. Sau khi tiếp nhận gia đình bà **M1** gồm 08 nhân khẩu là bà **M1**, 02 con trai, con dâu và 04 cháu ở trong căn nhà làm trên thửa đất nhận khoán, gia đình bà **M1** trực tiếp sản xuất nông nghiệp, thu nhập, trồng trọt và chăn nuôi trên thửa đất nhận khoán là nguồn sống của gia đình bà **M1**. Ngày 21/02/2019, con trai bà **M1** là ông **Vũ Văn H1** chết, bà **M1** là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản trên thửa đất nhận khoán.

Ngày 30/9/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk và các ban ngành tới lập “Biên bản kiểm đếm, xác định thiệt hại về đất, vật kiến trúc, cây trồng và các loại tài sản gắn liền với đất thực hiện dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**”.

Ngày 23/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại **Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (đợt 1). Theo quyết định này, gia đình bà **M1** đã được hỗ trợ các khoản gồm: Hộ trợ bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc, cây cối; các khoản hỗ trợ khác gồm: hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới, hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng với tổng số tiền 526.582.342 đồng.

Do nhận thấy việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố B chưa công bằng và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của mình và gia đình nên năm 2023, bà M1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B, yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung các khoản hỗ trợ gồm: Bồi thường chi phí vào đất còn lại; Giao một thửa đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá; Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới, Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tại Bản án sơ thẩm số 128/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án phúc thẩm số 418/2023/HC-PT ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà M1: Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B: Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt bổ sung về Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Giao một thửa đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Không chấp nhận yêu cầu của bà M1 về việc buộc UBND tp. B ban hành quyết định đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và khoản hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian tạo lập chỗ ở mới.

Nay bà Ngô Thị Kim M khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B “về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1). Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung khoản “Hỗ trợ khác” cho bà M theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Bà Ngô Thị Kim M sử dụng thửa đất số 69, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, phường T, tp ., diện tích 6914,0m² có nguồn gốc do Nhà nước giao Công ty TNHH MTV C quản lý, Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với bà Nguyễn Thị Thúy H2 theo Hợp đồng số 13-Đ1/2012/HĐ ngày 28/5/2012. Bà Nguyễn Thị Thúy H2 chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn H1 theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/11/2015 nhưng Công ty TNHH MTV C không ký lại hợp đồng giao khoán với ông H1.

Năm 2019, ông **Vũ Văn H1** chết, mẹ ông **H1** là bà **Ngô Thị Kim M** trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản trên đất. Năm 2017, **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất của **Công ty TNHH MTV C** do giải thể, giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất mà bà **Ngô Thị Kim M** quản lý sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại **phường T** theo Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên và được **UBND tp. B** phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà **Ngô Thị Kim M** là 526.582.926 đồng, bà **M** đã nhận đủ số tiền này vào ngày 07/10/2022 và bàn giao thửa đất thu hồi vào ngày 16/5/2023.

Đối với nội dung bà **ngô Thị Kim M2** khởi kiện yêu cầu phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ khác. Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, theo đó điều kiện hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

Đối chiếu với quy định nêu trên, hộ bà **Ngô Thị Kim M** sử dụng đất nhận khoán do nhận chuyển nhượng không đúng quy định của pháp luật về giao khoán đất nông nghiệp, không có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với **Công ty TNHH MTV C**, không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó hộ bà **Ngô Thị Kim M** cũng không đủ điều kiện được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của bà **Ngô Thị Kim M** tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của bà **M** là không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị Kim M**.

Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B “về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1).

Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung khoản “Hỗ trợ khác” cho bà M theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2024, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo không chấp nhận với nội dung buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung khoản “Hỗ trợ khác” cho bà M theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét nội dung kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Theo Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê số 13/DD1/2012/HĐ ngày 28/5/2012 do bà Nguyễn Thị Thúy H2 ký kết với Công ty TNHH MTV C, thửa đất số 69, tờ bản đồ số TD02/2021, diện tích 6.914m², thời hạn đến 30/12/2035. Năm 2015, bà H2 chuyển nhượng lại phần diện tích vườn cà phê nhận khoán cho con trai bà Ngô Thị Kim M là ông Vũ Văn H1, hai bên có lập giấy sang nhượng viết tay.

[1.2] Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/11/2015 giữa Công ty TNHH MTV C với bà Nguyễn Thị Thúy H2 xác định “Công ty không ký hợp đồng kinh tế sản xuất cà phê với ông Vũ Văn H1”. Tuy nhiên Công ty T1 nội dung “Trong khi chờ quyết định giải thể, Công ty giao tài sản cho ông Vũ Văn H1 sử dụng diện tích 7.017m²... và quản lý canh tác”. Thực tế ông H1 đã nhận bàn giao

tài sản từ Công ty, trực tiếp canh tác, sản xuất và trên đất và nộp khoán cho Công ty. Ngày 21/02/2019, ông **Vũ Văn H1** chết thì bà **Ngô Thị Kim M** là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản trên thửa đất nhận khoán.

[1.3] Tại thời điểm thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường, hộ bà **M** là người đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất.

[1.4] Do đó, hộ bà **Ngô Thị Kim M** được áp dụng Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**; điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định “*Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định*”. Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng...thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này*”

[1.5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm **UBND thành phố B** không cung cấp chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của **UBND thành phố B** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì **UBND thành phố B** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **Ủy ban nhân dân tỉnh D** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của **UBND thành phố B** “về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại **Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (đợt 1).

Buộc **UBND thành phố B** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung khoản “Hỗ trợ khác” cho bà **M** theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh D**.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012904 ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường

